

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- THANH HOÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14- 5- 2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thơm; bà Mai Thị Phụng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6- Thanh Hóa

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 6- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 100/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh [Nguyễn Trung T](#), sinh năm 1977

CCCD số 038077031640

Cư trú tại: [SN G đường L, TDP F, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Chị [Nguyễn Thị L](#), sinh năm 1980

CCCD số 038180027995

Cư trú tại: [SN G đường L, TDP F, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2026 và bản tự khai nguyên đơn anh [Nguyễn Trung T](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị [Nguyễn Thị L](#) sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị đã quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại [UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa \(nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa\)](#) vào 12/01/2004 theo Giấy Đăng ký kết hôn số 03, quyền 01/2004. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó giữa hai vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng có những suy nghĩ trái ngược nhau, quan điểm về cuộc sống không còn

tương đồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bản thân mỗi người không thể thay đổi cách sống để phù hợp với cuộc sống của người kia. Vì vậy, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Nguyễn Thị L.](#)

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là [Nguyễn Nhật M.](#), sinh ngày 03/9/2004 và cháu [Nguyễn Nhật H.](#), sinh ngày 10/5/2007, các cháu đã đến tuổi thành niên nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 10/4/2026 bị đơn chị [Nguyễn Thị L](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn tại [UBND phường B, thị xã B \(nay là phường B\), Thanh Hóa](#) năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, nay anh [T](#) làm đơn ly hôn thì chị không đồng ý vì lý do hai vợ chồng còn đang nuôi hai con đi học đại học, mẹ con chị làm tròn bổn phận và nghĩa vụ có bố chồng làm chứng và các cháu cũng không muốn bố mẹ chia tay, bản thân chị cũng vậy. Đề nghị Toà án không chấp nhận đơn của anh [T](#). Vợ chồng có 02 con chung đang học đại học chi phí cho các cháu rất cao nên chị không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án bác đơn ly hôn của anh [T](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là [Nguyễn Nhật M.](#), sinh ngày 03/9/2004. Hiện nay là sinh viên năm thứ 4 Đại học Luật Hà Nội và [Nguyễn Nhật H.](#), sinh ngày 10/5/2007, hiện nay là sinh viên năm thứ nhất [Đại học C](#)

Quá trình giải quyết vụ án ngày 23/4/2026 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hoà giải các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án anh [T](#) cương quyết xin ly hôn chị [L](#) và có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, chị [L](#) không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án bác đơn ly hôn của anh [T](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh [Nguyễn Trung T](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Nguyễn Thị L.](#) Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”;

[1.2] Bị đơn cư trú tại [phường B, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6- Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, anh [Nguyễn Trung T](#) và chị [Nguyễn Thị L](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh [Nguyễn Trung T](#) và chị [Nguyễn Thị L](#).

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về hôn nhân: Anh [Nguyễn Trung T](#) và chị [Nguyễn Thị L](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND phường B, thị xã B \(nay là phường B\), tỉnh Thanh Hóa](#) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh [T](#) vì tính tình không hợp nhau, quan điểm sống không tương đồng nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trong thời gian anh đi làm xa vợ không quan tâm, không hỏi han. Vợ chồng đã ly thân khoảng 10 năm nay không ai quan tâm đến ai. Chị [L](#) cho rằng vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì, chị vẫn làm tròn bổn phận và nghĩa vụ của mình, anh [T](#) đi làm xa một năm về một vài lần, một mình chị ở nhà chăm sóc 2 con nhỏ. Anh [T](#) nói chị không ra thăm anh [T](#) nhưng chị có hỏi ra thăm thì anh nói đường đi xa say xe không phải ra thăm nữa vì chị thật thà tưởng anh [T](#) nói không cần ra thăm nên chị không ra. Nay anh [T](#) làm đơn ly hôn chị không đồng ý.

HĐXX thấy, vợ chồng anh [T](#), chị [L](#) chung sống với nhau đã lâu, không có tiếng nói chung, anh [T](#) đi làm ở Quảng Ninh thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng xa nhau lâu nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh [T](#) cương quyết ly hôn chị [L](#) nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh [T1](#) xử cho anh [T](#) ly hôn với chị [L](#) là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là [Nguyễn Nhật M](#) (nữ), sinh ngày 03/9/2004 và [Nguyễn Nhật H](#) (nam), sinh ngày 10/5/2007. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh [Nguyễn Trung T](#) phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiêu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Nguyễn Trung T](#)

- Về hôn nhân: Xử cho anh [Nguyễn Trung T](#) ly hôn với chị [Nguyễn Thi L](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là [Nguyễn Nhật M](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 03/9/2004 và cháu [Nguyễn Nhật H](#) (giới tính: nam), sinh ngày 10/5/2007. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí DSST: Anh [Nguyễn Trung T](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh [Phạm Thế H1](#) (là người đại diện theo uỷ quyền của anh [T](#)) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 02/4/2026 theo biên lai thu số: 0002480. Như vậy, anh [T](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh [Nguyễn Trung T](#) và chị [Nguyễn Thi L](#).

Anh [Nguyễn Trung T](#) và chị [Nguyễn Thi L](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- *Đương sự*;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Bim Sơn (12/01/2004);
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**